

- Tích cực tìm kiếm bổ sung cho các nguồn khí sẽ suy giảm và cạn kiệt trong thời gian tới. Đẩy nhanh đàm phán với các nước để ký hợp đồng nhập khẩu than ổn định, lâu dài để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện;

- Tập trung xây dựng các hệ thống cảng trung chuyên than tại từng miền để tối ưu hóa chi phí nhập khẩu than; đẩy nhanh việc tìm kiếm, đàm phán để nhập khẩu than, LNG ổn định, lâu dài nhằm cung cấp nhiên liệu ổn định cho các nhà máy điện.

b) Giải pháp tạo nguồn vốn đầu tư phát triển ngành điện:

- Đẩy mạnh cổ phần hóa các tổng công ty, công ty phát điện thuộc EVN, PVN và Vinacomin;

- Từng bước tăng khả năng huy động tài chính nội bộ trong các doanh nghiệp ngành điện thông qua các giải pháp: Nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp ngành điện, bảo đảm có tích lũy, đảm bảo tỷ lệ vốn tự có cho đầu tư phát triển theo yêu cầu của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, tiến tới nguồn huy động vốn chính cho các công trình điện là vốn tự tích lũy của các doanh nghiệp;

- Phát triển các tập đoàn, tổng công ty hoạt động trong ngành điện có tín nhiệm tài chính cao để giảm chi phí huy động vốn cho các dự án điện, tự huy động vốn không cần đến sự hỗ trợ bảo lãnh của Chính phủ;

- Tăng cường huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong và ngoài nước để đầu tư các công trình điện, áp dụng biện pháp chuyển tiết kiệm trong nước thành vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Trong giai đoạn đầu, Nhà nước bảo lãnh phát hành trái phiếu cho các dự án điện trọng điểm, cấp bách;

- Thực hiện liên doanh trong nước và nước ngoài nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước tham gia xây dựng phát triển các dự án điện, cảng trung chuyển nhập than, cơ sở hạ tầng cho các dự án phát triển LNG;

- Thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp ngành điện Nhà nước không cần giữ 100% vốn;

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào phát triển các dự án điện. Ưu tiên các dự án FDI có thể thanh toán bằng tiền trong nước, hoặc thanh toán bằng đổi hàng và không yêu cầu bảo lãnh của Chính phủ;

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài, bao gồm: Vốn viện trợ phát triển chính thức ưu đãi, viện trợ phát triển chính thức không ưu đãi, vay thương mại nước ngoài v.v... vào phát triển các công trình điện.

c) Giải pháp về giá điện:

- Thực hiện giá bán điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp

ngành điện. Giá bán điện cần kích thích phát triển điện, tạo môi trường thu hút đầu tư và khuyến khích cạnh tranh trong các khâu sản xuất, truyền tải, phân phối, bán lẻ và sử dụng điện.

- Giá bán điện phải bảo đảm thu hồi được chi phí và có mức lợi nhuận hợp lý (thành phần đầu tư tái sản xuất mở rộng) nhằm bảo đảm các doanh nghiệp ngành điện tự chủ được về tài chính.

- Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện biểu giá điện hiện hành theo hướng:

+ Thực hiện điều chỉnh giá bán điện theo thay đổi của giá nhiên liệu, tỷ giá hối đoái, cơ cấu sản lượng điện phát và giá trên thị trường điện.

+ Giảm dần tiến tới bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các miền; nghiên cứu thực hiện biểu giá bán điện theo mùa và theo vùng.

+ Bổ sung biểu giá điện hai thành phần: Giá công suất và giá điện năng, trước tiên áp dụng cho các khách hàng sử dụng điện lớn.

- Giá bán điện cần phải xem xét tới các đặc thù vùng và cư dân các vùng biên giới, hải đảo, nông thôn, miền núi v.v... với điều tiết trợ giá, trợ thuế cần thiết để giảm bớt cách biệt về hưởng thụ năng lượng điện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa giữa các khu vực và bộ phận dân cư, giữa miền núi và miền xuôi, giữa nông thôn và thành thị.

- Giá điện được điều chỉnh dần từng bước nhằm đạt chi phí biên dài hạn của hệ thống điện để bảo đảm cho ngành điện có khả năng phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống điện.

- Việc định giá bán điện phải nhằm mục tiêu bảo tồn năng lượng, tránh lãng phí nguồn năng lượng không tái tạo, khuyến khích sử dụng hợp lý các dạng năng lượng và sử dụng năng lượng nội địa, giảm phụ thuộc năng lượng ngoại nhập.

d) Giải pháp về đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực:

- Nghiên cứu và triển khai thực hiện các mô hình quản lý ngành điện phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án điện, nâng cao độ tin cậy trong vận hành hệ thống điện.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững.

đ) Các giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường của dự án và đánh giá môi trường chiến lược của các quy hoạch.

- Tăng cường, củng cố tổ chức quản lý môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực.

- Sử dụng chất thải tro xỉ các nhà máy nhiệt điện than cho sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp khác nhằm giảm diện tích bãi thải cho các dự án nhà máy nhiệt điện bảo đảm theo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường của doanh nghiệp ngành điện.

- Triển khai có hiệu quả chương trình tiết kiệm điện, nâng cao hiệu suất trong các lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng điện.

- Kết hợp phát triển ngành điện với bảo vệ môi trường:

+ Nhà nước có chính sách hỗ trợ về đầu tư, thuế để phát triển các dạng năng lượng ít ảnh hưởng và góp phần cải thiện môi trường: Năng lượng mới và tái tạo; sử dụng chất phế thải của nông lâm nghiệp, rác thải của các thành phố để phát điện v.v...

+ Quản lý chặt chẽ công nghệ phát điện về phương diện môi trường. Các công nghệ được lựa chọn phải tiên tiến, hiệu suất cao, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Xây dựng các quy chế tài chính về môi trường ngành điện, tính đúng, tính đủ chi phí môi trường trong đầu tư, giá thành.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nhiều năng lượng tăng cường hợp tác với các nước thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM) dưới các hình thức: Phát triển nguồn năng lượng mới và tái tạo; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các dự án bảo tồn năng lượng.

e) Giải pháp và chính sách phát triển khoa học - công nghệ:

- Hoàn thiện, hiện đại hóa và đổi mới công nghệ thiết bị điện để phát triển năng lượng cho trước mắt cũng như lâu dài.

- Xác định mô hình và lộ trình công nghệ nguồn và lưới điện thích hợp, đảm bảo phát triển ổn định và phù hợp với điều kiện Việt Nam về tiềm năng tài nguyên, khả năng đầu tư, giá thành hợp lý và bảo vệ môi trường.

- Các công trình điện được xây dựng mới phải có công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện kinh tế của Việt Nam; từng bước nâng cấp, cải tạo công trình hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, kinh tế và môi trường.

- Kết hợp giữa công nghệ mới hiện đại và hoàn thiện cải tiến công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng.

- Khuyến khích sử dụng các công nghệ mới ở các nhà máy nhiệt điện: Buồng đốt phun, tầng sôi, thông số hơi siêu tới hạn, trên siêu tới hạn, chu trình tuabin khí hỗn hợp; công nghệ xử lý chất thải tiên tiến v.v... để nâng cao hiệu suất và bảo vệ môi trường, giảm diện tích đất sử dụng cho bãi thải tro xỉ.

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa lưới truyền tải và phân phối điện, nhằm giảm tổn thất, đảm bảo an toàn, tin cậy.

- Hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành sử dụng nhiều điện (thép, xi măng, hóa chất); hạn chế, tiến tới cấm nhập khẩu các thiết bị cũ, hiệu suất thấp trong sản xuất và sử dụng điện năng.

g) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực: Phát triển khối các trường chuyên ngành điện lực, phấn đấu để xây dựng một số trường đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng chương trình chuẩn thống nhất trong ngành về đào tạo các lĩnh vực chuyên sâu.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành then chốt trong các lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, nâng dần chất lượng đào tạo lên ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới.

- Đổi mới chương trình đào tạo nguồn nhân lực ngành điện, đa dạng hóa hình thức đào tạo và gắn liền đào tạo với thực tế sản xuất; chú trọng công tác tuyển chọn và gửi cán bộ khoa học, cán bộ quản lý đi đào tạo ở nước ngoài thuộc các lĩnh vực mũi nhọn. Đào tạo bổ sung, đón đầu cho những ngành còn thiếu, còn yếu, nhất là các ngành điện hạt nhân, năng lượng mới. Xây dựng cơ chế đãi ngộ thích đáng để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Triển khai sắp xếp, tổ chức lại mô hình sản xuất một cách khoa học hợp lý, đảm bảo sử dụng lao động có hiệu quả và nâng cao năng suất lao động.

h) Xây dựng và phát triển ngành cơ khí điện và nội địa hóa:

- Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa nguồn vốn, thu hút sự tham gia của nước ngoài vào công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị, phụ tùng của các ngành điện. Các cơ sở sản xuất thiết bị, phụ tùng điện phấn đấu để các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hình thành một số liên hợp nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị điện với các nhà máy cơ khí chế tạo làm nòng cốt.

- Xây dựng các trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện hiện đại để có thể tự sửa chữa, kiểm định các thiết bị điện.

- Đổi mới hiện đại hóa các nhà máy cơ khí điện hiện có, mở rộng liên doanh, xây dựng các nhà máy mới, tạo ra các khu vực chế tạo thiết bị điện.

i) Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng nói chung và điện năng nói riêng trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong các hộ gia đình.

- Triển khai rộng rãi, nâng cao hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả với mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 tiết kiệm nhu cầu điện năng thương phẩm được trên 10% tổng điện năng tiêu thụ.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan:

1. Bộ Công Thương:

a) Chỉ đạo, kiểm tra định kỳ, đôn đốc các chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án được phê duyệt tại Quyết định này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý đối với các dự án chậm tiến độ gây ảnh hưởng lớn đến cung cấp điện;

b) Giám sát chặt chẽ tình hình cung - cầu điện, tiến độ thực hiện các dự án nguồn và lưới điện để quyết định điều chỉnh tiến độ các dự án trong quy hoạch được duyệt hoặc xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung các dự án mới vào quy hoạch hoặc loại bỏ các dự án không cần thiết ra khỏi quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn;

c) Chỉ đạo lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch địa điểm, quy hoạch chi tiết các trung tâm nhiệt điện than, nhiệt điện khí, quy hoạch thủy điện, bậc thang thủy điện các dòng sông để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư xây dựng. Chỉ đạo việc phát triển, nhập khẩu các nguồn khí thiên nhiên, LNG, than cho sản xuất điện, công nghiệp và các nhu cầu cần thiết khác;

d) Chỉ đạo phát triển cảng trung chuyển than, cơ sở hạ tầng LNG, xem xét đề xuất giải pháp thu hút vốn tư nhân trong nước và nước ngoài vào đầu tư các công trình này;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo;

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện việc đàm phán ký kết hợp tác, trao đổi điện với các nước láng giềng và tham gia của Việt Nam vào hệ thống điện liên kết giữa các nước trong khu vực GMS;

g) Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương, các chủ đầu tư thực hiện tốt các dự án phát triển nguồn và lưới điện (kể cả lưới điện nông thôn) theo kế hoạch và tiến độ được duyệt;

h) Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các điều kiện cần thiết (pháp lý, hạ tầng kỹ thuật v.v...) cho việc phát triển thị trường bán buôn và bán lẻ điện theo Lộ trình đã được phê duyệt;

i) Chỉ đạo nghiên cứu, chế tạo trong nước thiết bị của các dự án nhà máy nhiệt điện than, điện hạt nhân và thủy điện;

k) Nghiên cứu ban hành quy định về chủng loại than nhập khẩu, các công nghệ nhà máy nhiệt điện than để đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và giảm phát thải khí CO₂;

l) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2016 - 2020;

m) Tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thống nhất quỹ đất dành cho các dự án điện, đảm bảo thực hiện các dự án đúng tiến độ theo quy hoạch đã được duyệt;

n) Tiếp tục nghiên cứu giải quyết các vấn đề về: Dòng ngắn mạch trong hệ thống điện; tăng cường liên kết lưới điện truyền tải với phương thức truyền tải điện bằng dòng điện xoay chiều hoặc một chiều; tiêu chí N-1 của lưới điện truyền tải và đề xuất các phạm vi cần đáp ứng tiêu chí N-2; nâng cao ổn định góc, ổn định tần số và điện áp của hệ thống điện quốc gia;

o) Ban hành cơ chế xử lý các dự án điện chậm tiến độ;

p) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế ủy quyền, phân cấp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định để tạo điều kiện bảo đảm tiến độ cho các dự án điện;

q) Nghiên cứu xu thế kết nối lưới điện với các nước trong khu vực trên cơ sở nâng cao độ tin cậy hệ thống điện;

r) Nghiên cứu tổ chức lập quy hoạch các trung tâm điện lực: Long An, Tân Phước, Bạc Liêu, làm rõ tính khả thi, sự cần thiết của các nhà máy điện trong các trung tâm điện lực này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xây dựng cơ chế chính sách để thu hút đầu tư và sử dụng hợp lý nguồn vốn ODA nhằm tạo điều kiện cho ngành điện phát triển đồng bộ, cân đối, hợp lý và bền vững.

3. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các cơ chế huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện nhằm đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu điện của toàn xã hội theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được duyệt.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trong nước cân đối vốn, xem xét cho chủ đầu tư các dự án điện vay theo yêu cầu thực tế của từng dự án, đảm bảo yêu cầu phát triển ngành điện bền vững.

5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao; đầu tư phát triển các công trình lưới điện đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

b) Thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tổn thất điện năng; chương trình tiết kiệm điện trong sản xuất và tiêu dùng;

c) Tiếp tục nâng cao năng suất lao động để tối ưu hóa chi phí trong các khâu phát điện, truyền tải, phân phối và kinh doanh bán điện;

d) Đối với một số dự án lưới điện quan trọng, chỉ đạo Chủ đầu tư phải cấm mốc hành lang tuyến ngay khi báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được phê duyệt.

6. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

a) Chủ trì nghiên cứu phương án khai thác các nguồn khí từ mỏ Cá Voi Xanh và Lô B, phương án nhập khẩu LNG hợp lý và đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu sử dụng; báo cáo Bộ Công Thương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ. Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng cho việc nhập khẩu LNG.

7. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

a) Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện và các nhu cầu khác của nền kinh tế quốc dân từ các nguồn than trong nước và nhập khẩu. Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng các cảng trung chuyển than.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định;

b) Cập nhật, bố trí quỹ đất các công trình điện được duyệt vào quy hoạch sử dụng đất và công bố công khai;

c) Tăng cường công tác quản lý đất đai để tránh tranh chấp, khiếu kiện làm kéo dài thời gian xác định nguồn gốc đất, kê kiểm, lập, phê duyệt phương án bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ trong công tác khảo sát, lập đơn giá và phê duyệt đơn giá bồi thường để không làm ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt phương án bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân;

d) Ban hành các quy định, hướng dẫn kịp thời để các đơn vị liên quan áp dụng thực hiện, phù hợp với yêu cầu tiến độ của dự án; có hình thức xử lý nghiêm đối với các trường hợp cố tình coi nới nhà cửa, vật kiến trúc, trồng thêm cây trong hành lang tuyến để đòi bồi thường hoặc không chịu nhận tiền bồi thường theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN VÀO VẬN HÀNH
GIAI ĐOẠN 2016 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Bảng 1. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2016 - 2020

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
	Công trình vận hành năm 2016		
1	TĐ Nho Quế 2	48	IPP
2	TĐ Nho Quế 1	32	IPP
3	TĐ Nậm Na 3	84	IPP
4	TĐ Nậm Toóng	34	IPP
5	TĐ Bắc Mê	45	IPP
6	TĐ Bá Thước 1	60	IPP
7	TĐ Sông Tranh 3	62	IPP
8	TĐ Huội Quảng #2	260	EVN
9	TĐ Lai Châu #2,3	2 x 400	EVN
10	TĐ Trung Sơn #1,2	2 x 65	EVN
11	TĐ Nhạn Hạc	59	IPP
12	TĐ Sông Bung 2	100	EVN
13	TĐ Sêkaman 1 (Lào)	290	Cty Điện Việt Lào
14	TĐ Sông Tranh 4	48	IPP
15	TĐ Đăk Mi 2	98	IPP
16	NĐ Formosa Hà Tĩnh #2	150	IPP - nhiên liệu than
17	NĐ Formosa Hà Tĩnh #3,4	2 x 100	IPP - nhiên liệu khí lò cao
18	NĐ Formosa Hà Tĩnh #5	150	IPP - nhiên liệu than
19	TĐ Đăk Mi 3	45	IPP
20	NĐ Formosa Đồng Nai #3	150	IPP
21	NĐ than Vê Đan	60	IPP (đồng phát)
22	NĐ Duyên Hải III #1	600	EVN
23	NMĐ sinh khối KCP #1	30	IPP (Phú Yên)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
24	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	260	
	Công trình vận hành năm 2017		
1	TĐ Chi Khê	41	IPP
2	TĐ Lông Tạo	42	IPP
3	TĐ Trung Sơn #3,4	2 x 65	EVN
4	TĐ Yên Sơn	70	Cty Cổ phần Tập đoàn XD & DL Bình Minh
5	TĐ Trà Khúc 1	36	IPP
6	TĐ Sêkaman Xanxay (Lào)	32	Cty CP Điện Việt Lào
7	TĐ Thác Mơ mở rộng	75	EVN
8	NĐ Thái Bình I #1,2	2 x 300	EVN
9	NĐ Thái Bình II #1	600	PVN
10	NĐ Duyên Hải III #2	600	EVN
11	NĐ hóa dầu Long Sơn #1	75	IPP (đồng phát)
12	Điện sinh khối An Khê #1	55	Cty CP Đường Quảng Ngãi
13	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	360	
	Công trình vận hành năm 2018		
1	TĐ Sông Lô 6	44	Cty TNHH Xuân Thiện Hà Giang
2	TĐ Hồi Xuân	102	IPP
3	TĐ Sông Miện 4	38	IPP
4	TĐ La Ngâu	36	Cty CP thủy điện La Ngâu
5	TĐ Đăk Mi 1	54	IPP
6	TĐ Đa Nhim mở rộng	100	EVN
7	TĐ Sêkaman 4 (Lào)	80	Cty CP Điện Việt Lào
8	TĐ A Lin	62	IPP
9	NĐ Thăng Long #1	300	Cty CP Nhiệt điện Thăng Long

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
10	NĐ Thái Bình II #2	600	PVN
11	NĐ Vĩnh Tân IV #1,2	2 x 600	EVN
12	NĐ Long Phú I #1	600	PVN
13	NĐ hóa dầu Long Sơn #2,3	2 x 75	IPP (đồng phát)
14	NMĐ sinh khối KCP #2	30	IPP (Phú Yên)
15	Điện sinh khối An Khê #2	55	Cty CP Đường Quảng Ngãi
16	NĐ sinh khối Lee&Man	125	Cty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam (đồng phát)
17	Điện gió Khai Long (Cà Mau)	100	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
18	Điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	142	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
19	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	520	
Công trình vận hành năm 2019			
1	TĐ Bảo Lâm 3	46	IPP
2	TĐ Pắc Ma	140	Cty CP thủy điện Pắc Ma
3	TĐ Thượng Kon Tum #1,2	2 x 110	EVN
4	NĐ Thăng Long #2	300	Cty CP Nhiệt điện Thăng Long
5	NĐ đồng phát Hải Hà 1	3 x 50	IPP (trong KCN)
6	NĐ Na Dương II	110	Vinacomin
7	NĐ Long Phú I # 2	600	PVN
8	NĐ Sông Hậu I #1,2	2 x 600	PVN
9	NĐ Duyên Hải III mở rộng	660	EVN
10	NĐ Vĩnh Tân I #1,2	2 x 600	CSG - CPIH - Vinacomin (BOT)
11	NĐ Vĩnh Tân IV mở rộng	600	EVN
12	Cụm thủy điện nhỏ Nậm Cùm 1,4,5	65	IPP
13	Điện gió Trung - Nam	90	IPP (Ninh Thuận)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
14	Điện gió Sóc Trăng	99	Cty TNHH XD - TM - DL Công Lý
15	Điện mặt trời Thiên Tân 1	300	IPP (Ninh Thuận)
16	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	450	
Công trình vận hành năm 2020			
1	TĐ Nậm Pàn 5	35	IPP
2	TĐ Nậm Mô (Việt Nam)	95	IPP
3	TĐ Ialy mở rộng	360	EVN
4	Formosa Hà Tĩnh #6,7	2 x 150	IPP - nhiên liệu than
5	Formosa Hà Tĩnh #8,9	2 x 100	IPP - nhiên liệu khí lò cao
6	Formosa Hà Tĩnh #10	150	IPP - nhiên liệu than
7	NĐ Hải Dương #1	600	Jaks Resources Bhd (BOT)
8	NĐ Cẩm Phả III #1,2	2 x 220	Vinacomin
9	NĐ Công Thanh	600	Cty Cổ phần Nhiệt điện Công Thanh
10	TBKHH Ô Môn III	750	EVN
11	Cụm thủy điện nhỏ Nậm Cùm 2,3,6	54	IPP
12	Điện gió Hanbaram	117	IPP
13	Điện mặt trời Thiên Tân 2	400	IPP (Ninh Thuận)
14	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	470	

Bảng 2. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2021 - 2025

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
Công trình vận hành năm 2021			
1	TĐ Mỹ Lý	250	IPP
2	TĐ Hòa Bình mở rộng #1	240	EVN
3	NĐ Nghi Sơn II #1	600	Marubeni - Kepco (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
4	NĐ Vũng Áng II #1	600	VAPCO (BOT)
5	NĐ Hải Dương #2	600	Jaks Resources Bhd (BOT)
6	NĐ Nam Định I #1	600	Taekwang Power Holdings - ACWA Power (BOT)
7	NĐ Quảng Trạch I #1	600	PVN
8	TBKHH Kiên Giang I	750	PVN
9	TBKHH Ô Môn IV	750	EVN
10	NĐ Duyên Hải II #1,2	2 x 600	Janakuasa SDN BHD (BOT)
11	NĐ Sông Hậu II #1	1000	Toyo Ink (BOT)
12	NĐ Long Phú II #1	660	TATA Power (BOT)
13	NĐ Long Phú III #1	600	PVN
14	NĐ Ưông Bí ngừng phát điện	105	EVN
15	Điện mặt trời Thiên Tân 3	300	IPP (Ninh Thuận)
16	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	790	
	Công trình vận hành năm 2022		
1	TĐ Bán Mông (Sông Hiếu)	60	IPP
2	TĐ Hòa Bình mở rộng #2	240	EVN
3	TĐ Đăk Re	60	IPP
4	NĐ đồng phát Hải Hà 2	5 x 150	IPP
5	NĐ Lục Nam #1	50	IPP
6	NĐ Quỳnh Lập I #1	600	Vinacomin
7	NĐ Vũng Áng II #2	600	VAPCO (BOT)
8	NĐ Nghi Sơn II #2	600	Marubeni - Kepco (BOT)
9	NĐ Nam Định I #2	600	Taekwang Power Holdings - ACWA Power (BOT)
10	NĐ Quảng Trạch I #2	600	PVN
11	NĐ Vĩnh Tân III #1	660	VTEC (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
12	NĐ Sông Hậu II #2	1000	Toyo Ink (BOT)
13	NĐ Long Phú II #2	660	TATA Power (BOT)
14	NĐ Long Phú III #2,3	2 x 600	PVN
15	NĐ Vân Phong I #1	660	Sumitomo (BOT)
16	TBKHH Kiên Giang II	750	PVN
17	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1200	
Công trình vận hành năm 2023			
1	TĐ cột nước thấp Phú Thọ	105	Cty Cổ phần Tập đoàn XD & DL Bình Minh
2	NĐ Quỳnh Lập I #2	600	Vinacomin
3	NĐ Lục Nam #2	50	IPP
4	NĐ Quảng Trị #1	600	EGATi (BOT)
5	TBKHH Miền Trung I	750	PVN
6	TBKHH Dung Quất I	750	Sembcorp (BOT)
7	NĐ Vĩnh Tân III #2,3	2 x 660	VTEC (BOT)
8	NĐ Vân Phong I #2	660	Sumitomo (BOT)
9	TBKHH Sơn Mỹ II #1	750	PVN
10	TĐ tích năng Bắc Ái #1,2	2 x 300	EVN
11	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1000	
Công trình vận hành năm 2024			
1	NĐ Vũng Áng III #1	600	Samsung C&T (BOT)
2	NĐ Quảng Trị #2	600	EGATi (BOT)
3	TBKHH Miền Trung II	750	PVN
4	TBKHH Dung Quất II	750	Sembcorp (BOT)
5	NĐ Long An I #1	600	
6	TBKHH Sơn Mỹ II #2	750	PVN
7	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1200	

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
Công trình vận hành năm 2025			
1	TĐ Trị An mở rộng	200	EVN
2	NĐ Hải Phòng III #1	600	Vinacomin
3	NĐ đồng phát Hải Hà 3	2 x 300	IPP
4	NĐ đồng phát Rạng Đông	100	IPP
5	NĐ Vũng Áng III #2	600	Samsung C&T (BOT)
6	NĐ Long An I #2	600	
7	TBKHH Sơn Mỹ II #3	750	PVN
8	TĐ tích năng Bắc Ái #3,4	2 x 300	EVN
9	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	1800	

Bảng 3. Danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành giai đoạn 2026 - 2030

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
Công trình vận hành năm 2026			
1	TĐ Nậm Mô 1 (Lào)	72	IPP
2	NĐ Hải Phòng III #2	600	Vinacomin
3	NĐ Quỳnh Lập II #1	600	BOT
4	TBKHH Miền Trung III (nếu khí cho hóa dầu không khả thi)	750	PVN
5	NĐ Long An II #1	800	
6	TBKHH Ô Môn II	750	
7	TBKHH Sơn Mỹ I #1	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	2160	
Công trình vận hành năm 2027			
1	NĐ Quỳnh Lập II #2	600	BOT
2	TBKHH Sơn Mỹ I #2	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
3	NĐ Long An II #2	800	
4	NĐ Tân Phước I #1	600	
5	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	2910	
Công trình vận hành năm 2028			
1	TĐ tích năng Đông Phù Yên #1	300	Cty Xuân Thiện
2	NĐ đồng phát Hải Hà 4	2 x 300	IPP
3	NĐ Quảng Trạch II #1	600	
4	Điện hạt nhân Ninh Thuận I #1	1200	EVN
5	NĐ Tân Phước I #2	600	
6	NĐ Tân Phước II #1 (*)	600	
7	TBKHH Sơn Mỹ I #3	750	GDF SUEZ/Sojitz-Pacific (BOT)
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3240	
Công trình vận hành năm 2029			
1	TĐ tích năng Đông Phù Yên #2	300	Cty Xuân Thiện
2	NĐ Quảng Ninh III #1	600	
3	NĐ Vũng Áng III #3 (*)	600	
4	NĐ Quảng Trạch II #2	600	
5	NĐ Tân Phước II #2 (*)	600	
6	NĐ Bạc Liêu I #1 (*)	600	
7	Điện hạt nhân Ninh Thuận I #2	1200	EVN
8	Điện hạt nhân Ninh Thuận II #1	1100	EVN
9	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3350	
Công trình vận hành năm 2030			
1	TĐ Huồi Tào	180	
2	TĐ tích năng Đông Phù Yên #3	300	Cty Xuân Thiện
3	TĐ tích năng Đơn Dương #1	300	EVN
4	NĐ Quảng Ninh III #2	600	

TT	Tên nhà máy	Công suất đặt (MW)	Chủ đầu tư
5	NĐ Vũng Áng III #4 (*)	600	
6	NĐ Bạc Liêu I #2 (*)	600	
7	Điện hạt nhân Ninh Thuận II #2	1100	EVN
8	Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, sinh khối v.v..)	3530	

Ghi chú: () Các nhà máy dự phòng cho trường hợp các nguồn điện từ năng lượng tái tạo không đạt được tiến độ và quy mô công suất như kỳ vọng (27.000 MW vào năm 2030).*

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN VÀO VẬN HÀNH
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Bảng 1. Danh mục các trạm biến áp 500 kV vận hành giai đoạn 2016 - 2030

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020			
Miền Bắc		12150	
1	Tây Hà Nội	900	Xây mới, lắp máy biến áp 1
2	Đông Anh	1800	Xây mới
3	Phố Nối	1500	Xây mới, lắp máy biến áp 1 (600 MVA), lắp máy biến áp 2 (900 MVA)
4	Việt Trì	450	Xây mới
5	Sơn La	1800	Thay 2 máy biến áp, truyền tải thủy điện
6	Lai Châu	900	Xây mới, ngoài nhà máy thủy điện
7	Nghi Sơn	900	Xây mới đồng bộ Nhiệt điện Nghi Sơn 2
8	Vũng Áng	1800	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 1, lắp máy biến áp 2
9	Quảng Ninh	1200	Cải tạo nâng công suất cả 2 máy biến áp, đảm bảo N-1
10	Thường Tín	900	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2, đảm bảo cấp điện Hà Nội
Miền Trung		900	
1	Pleiku 2	900	Xây mới, nhập khẩu thủy điện Nam Lào
Miền Nam		13650	
1	Cầu Bông	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Nhà Bè	1800	Cải tạo thay 2 máy biến áp 600 MVA
3	Củ Chi	900	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
4	Tân Uyên	1800	Xây mới
5	Tân Định	1800	Cải tạo nâng công suất cả 2 máy biến áp

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
6	Chơn Thành	900	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
7	Long Thành	900	Xây mới
8	Đức Hòa	900	Xây mới
9	Mỹ Tho	1800	Xây mới
10	Ô Môn	900	Cải tạo nâng công suất máy biến áp 2
11	Duyên Hải	450	Xây mới
12	Long Phú	600	Xây mới
Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025			
Miền Bắc		10350	
1	Tây Hà Nội	900	Cải tạo lắp máy biến áp thứ 2
2	Bắc Ninh	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
3	Vĩnh Yên	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
4	Việt Trì	450	Cải tạo lắp máy biến áp 2
5	Nhiệt điện Hải Phòng 3	900	Xây mới máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện
6	Thái Bình	600	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
7	Nho Quan	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
8	Hải Phòng	900	Xây mới
9	Thanh Hóa	1200	Xây mới, nghiên cứu thêm về vị trí đặt trạm
Miền Trung		4500	
1	Quảng Trị	600	Xây mới
2	Dốc Sỏi	1200	Cải tạo nâng công suất
3	Vân Phong	1800	Xây mới
4	Krông Buk	900	Xây mới, đồng bộ với Nhiệt điện khí miền Trung khi tổng công suất lớn hơn 2500 MW

TT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
	Miền Nam	10350	
1	Củ Chi	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
2	Bình Dương 1	900	Xây mới, chống quá tải Tân Định, Sông Mây
3	Đồng Nai 2	900	Xây mới
4	Bắc Châu Đức	900	Xây mới
5	Nhiệt điện Sơn Mỹ	450	Xây mới máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện
6	Chơn Thành	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
7	Tây Ninh 1	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
8	Đức Hòa	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Long An	900	Xây mới
10	Thốt Nốt	1800	Xây mới, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt có dự phòng đất cho máy cắt phân đoạn
Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030			
	Miền Bắc	10200	
1	Long Biên	1800	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
2	Sơn Tây	900	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
3	Nam Hà Nội	900	Xây mới, tăng cường cấp điện Hà Nội
4	Việt Trì	1800	Cải tạo nâng công suất 2 máy biến áp
5	Thái Nguyên	1800	Xây mới, tăng nguồn cho Thái Nguyên và khu vực lân cận
6	Bắc Giang	900	Xây mới, vị trí tại Huyện Lục Nam, thiết kế sơ đồ thanh cái linh hoạt
7	Thái Bình	600	Cải tạo lắp máy biến áp 2
8	Hải Phòng	900	Cải tạo lắp máy biến áp 2
9	Nhiệt điện Nam Định	600	Cải tạo máy biến áp liên lạc trong nhà máy điện